

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/DS-PT

Ngày: 09-5-2023

V/v: Tranh chấp HĐ vay TS

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Anh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2022/TLPT-DS ngày 10-10-2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 20-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên - tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐ-PT ngày 06-4-2023 giữa các đương sự:

+Nguyên đơn:

1. Anh Phạm Xuân G - Sinh năm 1983
2. Chị Trần Thị Tuyết N – Sinh năm 1984

Đều cùng nơi thường trú: Xóm T - xã Liên M - huyện Vụ B - tỉnh Nam Định.

+ Bị đơn:

1. Anh Ngô Văn T - Sinh năm 1988

2. Chị Phạm Thị H - Sinh năm 1989

Đều cùng nơi thường trú: Thôn Phúc Đ - xã Yên L - huyện Ý Y - tỉnh Nam Định

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Ngô Văn K - Sinh năm 1963

2. Bà Hứa Thị H - Sinh năm 1962

Đều cùng nơi thường trú: Thôn Phúc Đ - xã Yên L - huyện Ý Y - tỉnh Nam Định

+ Người kháng cáo: Bị đơn chị Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Xuân G trình bày:

Vợ chồng anh Ngô Văn T, chị Phạm Thị H có vay anh số tiền 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền lập ngày 20/01/2020 có chữ ký của anh T, chị H và bố mẹ đẻ anh T là ông Ngô Văn K và bà Hứa Thị H, thời hạn trả nợ tháng 5/2020 âm lịch trả nợ cho anh $\frac{1}{2}$ hoặc $\frac{1}{3}$ số tiền đã vay, số tiền còn lại thời gian sau trả nốt. Nhưng quá thời hạn trên anh T, chị H không trả cho anh tiền như đã thỏa thuận, ngày 05/10/2020 dương lịch ông Ngô Văn K (bố đẻ anh T) trả cho anh được 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) (có viết biên nhận), số tiền còn lại đến nay chưa trả lại cho anh mặc dù anh đã đi lại đề đòi nợ nhiều lần nhưng anh T, chị H không trả.

Ngày 25/9/2020 vợ chồng ông Ngô Văn K, bà Hứa Thị H có làm “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” được UBND xã Yên L công chứng ngày 25/9/2020 thửa đất số 73, tờ bản đồ số 15, bản đồ địa chính UBND xã Yên L, huyện Ý Y lập năm 2002, chỉnh lý năm 2020, diện tích 158 m², trị giá 158.000.000 đồng địa chỉ thửa đất ở Phúc Đ, Yên Lộc từ vợ chồng ông K, bà H chuyển sang cho vợ chồng anh.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T, chị H phải trả cho anh số tiền nợ còn thiếu 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 73, tờ bản đồ số 15 bản đồ địa chính UBND xã Yên L, huyện Ý Y lập năm 2002, chỉnh lý 2020,

diện tích 158 m² tại thôn Phúc Đ, xã Yên L của ông K, bà H, nay anh xin rút yêu cầu, không yêu cầu gì về vấn đề này nữa.

+ Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Ý Y đã tiến hành triệu tập họp lệ nhưng bị đơn anh Ngô Văn T không có mặt tại Tòa án để làm việc.

+ Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Vợ chồng chị đã nhận được Thông báo v/v thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án gửi về. Về đơn khởi kiện của vợ chồng anh Phạm Xuân G, chị Trần Thị Tuyết N, chị có quan điểm như sau: Về Giấy vay tiền số tiền 1.250.000.000 đồng là có chị và anh T kí nhận vay tiền của vợ chồng anh G ngày 20/01/2020. Việc bố mẹ chồng chị là ông Ngô Văn K, bà Hứa Thị H cũng kí vào Giấy vay tiền trên là để làm chứng, không phải để nhận trả nợ hộ vợ chồng chị. Thực tế số tiền vợ chồng chị vay của vợ chồng anh G chỉ là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) tiền nợ gốc, còn số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) là tiền nợ lãi (chị không nhớ phần trăm lãi suất, chỉ nhớ là có tính lãi suất). Đến ngày 05/10/2020, bố mẹ chồng chị có trả nợ giúp cho vợ chồng chị số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), vợ chồng chị và anh G thống nhất xóa nội dung giấy vay nợ 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) rồi ghi xuống dưới là nhận nợ còn lại 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) có anh T và ông K cùng anh G xác nhận nội dung này. Nay vợ chồng anh G đòi nợ vợ chồng chị, vợ chồng chị đồng ý trả nợ số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) tiền nợ gốc, trong đó đã trả được 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), còn lại 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) tiền lãi để vợ chồng chị và anh G cùng thỏa thuận trả sau.

Về Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông K, bà H và vợ chồng anh G, chị N vợ chồng chị không biết việc này, không liên quan nên chị không có quan điểm giải quyết.

Chồng chị là anh Ngô Văn T hiện đang bận công việc nên không thể đến Tòa án để làm việc được.

+ Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Ngô Văn K, bà Hứa Thị H trình bày:

Về đơn khởi kiện của anh Phạm Xuân G, chị Trần Thị Tuyết N ông, bà có quan điểm như sau: Ông, bà có biết việc vợ chồng con trai ông, bà là anh Ngô Văn T và chị Phạm Thị H có vay tiền của anh G, chị N để làm ăn, cụ thể vay bao nhiêu tiền thì ông, bà không nắm được và cũng không biết là cho vay từ bao giờ. Đối với Giấy vay tiền ngày 20/01/2020, khoảng vào đầu năm 2020 vợ chồng anh G có sang nhà ông, bà và đưa Giấy vay tiền này cho ông, bà, nội dung Giấy vay tiền anh G có nói là đề nghị ông, bà xác nhận rằng anh T, chị H có vay vợ chồng anh G số tiền là 1.250.000.000 đồng, sau đó ông, bà cũng có kí xác nhận vào giấy này và bảo là để anh T, chị H làm ăn rồi trả nợ vợ chồng anh G chứ ông, bà cũng không nhận trả nợ vợ chồng anh G hộ vợ chồng anh T, chị H. Đến khoảng đầu tháng 10/2020, con gái ông, bà là chị Ngô Thị N biết tin anh T, chị H đang vay nợ nên có gửi về cho ông, bà số tiền 70.000.000 đồng, ông, bà thêm vào 30.000.000 đồng, tổng là 100.000.000 đồng đưa cho anh G để trả nợ hộ cho anh T, chị H, việc trả nợ này là có biên nhận. Từ thời điểm sau đến nay ông, bà cũng không liên quan gì đến việc vay nợ giữa vợ chồng anh G và vợ chồng anh T nữa.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/9/2020 không phải do ông, bà kí kết, ông, bà chưa lần nào ngồi với gia đình anh G để kí kết hợp đồng chuyển nhượng này tại UBND xã Yên L. Ông, bà chỉ có 01 lần ngồi với anh G để kí giấy tờ mà anh G nói dùng để đi vay Ngân hàng tại nhà ông, bà. Sau đó cũng không thấy Ngân hàng gặp vợ chồng ông, bà để làm thủ tục vay tiền. Sau đó ông, bà có gọi anh G xuống nhà ông, bà để ông, bà đưa cho anh G 100.000.000 đồng (như trình bày ở trên) để lấy lại tờ văn bản đã kí để vay tiền Ngân hàng. Sau khi anh G nhận tiền thì đã xé tờ văn bản đó và anh G nói văn bản đó đã bị hủy.

Nay vợ chồng anh G đòi vợ chồng anh T, chị H là con trai và con dâu ông, bà số tiền 1.150.000.000 đồng, quan điểm của ông, bà như sau: Đây là tiền nợ riêng của vợ chồng anh T, chị H, ông, bà không liên quan, không biết đến khoản nợ trên nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 20-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Xuân G, chị Trần Thị Tuyết N đối với anh Ngô Văn T, chị Phạm Thị H về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc anh Ngô Văn T, chị Phạm Thị H phải liên đới trả nợ cho anh Phạm Xuân G, chị Trần Thị Tuyết N số tiền 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 01/8/2022, bị đơn chị Phạm Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng xác định vợ chồng chị H anh T chỉ còn nợ nguyên đơn 500.000.000 đồng tiền gốc.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự trong vụ án không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn chị Phạm Thị H trình bày và tranh luận về yêu cầu kháng cáo như sau: Xác định giữa vợ chồng chị và vợ chồng anh chị G-N có thỏa thuận viết giấy vay tiền ghi ngày 20-01-2020, giấy vay tiền do chính chồng chị H là anh Ngô Văn T viết, tuy nhiên chị H trình bày trong số tiền ghi trong giấy vay tiền 1.250.000.000 đồng, thì chỉ có 600.000.000 đồng là tiền nợ gốc, còn 650.000.000 đồng là tiền lãi; đối với số tiền nợ gốc bố mẹ chồng của chị là ông bà Kệ-Hợp đã trả giúp anh chị 100.000.000 đồng, nên bây giờ anh chị Trang-Hương chỉ còn nợ vợ chồng anh chị G-N 500.000.000 đồng tiền gốc. Anh T chồng của chị viết giấy vay tiền vì bị anh G o ép, buộc phải viết. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chỉ quyết định vợ chồng chị phải trả cho anh chị G-N số tiền gốc còn lại là 500.000.000 đồng.

Ngoài lời trình bày thì chị H không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện giấy vay tiền chỉ có tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 650.000.000 đồng; cũng như không xuất trình được chứng cứ thể hiện anh T viết giấy vay nợ vì bị anh G o ép không chế bắt phải viết.

- Nguyên đơn anh Phạm Xuân G trình bày ý kiến, tranh luận như sau: Không nhất trí với lời trình bày của chị H tại phiên tòa phúc thẩm, vì ngày hôm đó chính vợ chồng anh chị H-Trang mời anh G đến nhà ăn cơm, tại nhà anh chị H-Trang thì

chính anh T là người viết giấy vay tiền, các bên ký đầy đủ vào giấy vay tiền, hôm đó có mặt bố mẹ anh T là ông bà Kê-Hợp cũng ký vào giấy vay tiền với tư cách là người làm chứng. Anh không o ép hay ép buộc bắt anh T viết giấy vay tiền, giấy vay tiền ghi rõ 1.250.000.000 đồng là tiền vay, chứ không phải là tiền gốc và tiền lãi như lời chị H trình bày. Hiện ông bà Kê-Hợp đã trả thay anh chị H-Trang 100.000.000 đồng, nên anh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc anh chị H-Trang phải trả số tiền nợ còn lại là 1.150.000.000 đồng, như quyết định của cấp sơ thẩm.

- Người liên quan trong vụ án bà Hứa Thị H trình bày: Bà và chồng là ông Ngô Văn K có ký xác nhận vào giấy vay tiền ghi ngày 20-01-2020, bà và ông K đã trả giúp cho vợ chồng anh chị H-Trang số tiền 100.000.000 đồng.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo: Giấy vay tiền ghi ngày 20-01-2020 do chính anh T viết, ghi cụ thể số tiền vay là 1.250.000.000 đồng, hiện bố mẹ của anh T là ông bà Kê-Hợp đã trả cho anh G được 100.000.000 đồng, tiền nợ còn lại là 1.150.000.000 đồng. Chị H kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ có tính pháp lý thể hiện cho rằng tiền vay gốc chỉ có 600.000.000 đồng, còn tiền lãi là 650.000.000 đồng, anh T viết giấy vì bị anh G o ép không ché, vì vậy kháng cáo của chị H là không có căn cứ pháp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị H, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị H làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bảo đảm được quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự trong vụ án.

+ Về nội dung: Xét tính hợp pháp của giấy vay tiền ghi ngày 20-01-2020

Giấy vay tiền là giấy viết tay, có đầy đủ chữ ký của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng; Giấy vay tiền do chính anh Ngô Văn T viết và ghi rõ nội dung anh Ngô Văn T vay của anh Phạm Xuân G số tiền 1.250.000.000 đồng, anh T viết giấy vay tiền trong tình trạng hoàn toàn tỉnh táo không bị ép buộc.

Bị đơn chị Phạm Thị H trình bày cho rằng số tiền ghi trong giấy vay tiền là 1.250.000.000 đồng thì chỉ có 600.000.000 đồng tiền gốc, còn 650.000.000 đồng là tiền lãi. Đối với số tiền gốc 600.000 đồng thì ông bà Kệ-Hợp (là bố mẹ đẻ của anh T) đã trả 100.000.000 đồng, nên hiện chị H và anh T chỉ còn nợ vợ chồng anh chị G-N số tiền 500.000 đồng tiền gốc. Anh T viết giấy vay nợ vì bị anh G o ép không chế bắt phải viết. Tuy nhiên ngoài lời trình bày thì chị H không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện trong số tiền vay 1.250.000.000 đồng thì tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 650.000.000 đồng; cũng như không xuất trình được chứng cứ thể hiện anh T viết giấy vay nợ vì bị anh G o ép không chế bắt phải viết.

Xét thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, các đương sự đều thống nhất lời khai có việc viết giấy vay tiền ghi ngày 20-01-2020, các đương sự cũng thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền là của các đương sự. Như vậy, có căn cứ pháp lý xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận viết giấy vay tiền với nội dung anh Ngô Xuân Trang vay của anh Phạm Xuân G số tiền 1.250.000.000 đồng, hiện ông bà Kệ-Hợp là bố mẹ đẻ của anh T đã trả giúp được 100.000.000 đồng, như vậy anh T còn nợ anh G số tiền 1.150.000.000 đồng;

Trên cơ sở nội dung giấy vay tiền do chính các đương sự tự thỏa thuận thống nhất viết ra, thì có căn cứ pháp lý xác định vợ chồng anh chị G-N đã cho vợ chồng anh chị H-Trang vay số tiền 1.250.000.000 đồng, hiện nay đã trả được 100.000.000 đồng, còn nợ là 1.150.000.000 đồng; vì vậy cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng anh chị H-Trang phải trả cho vợ chồng anh chị G-N số tiền 1.150.000.000 đồng, là có căn cứ pháp lý.

Kháng cáo của chị Phạm Thị H không có căn cứ pháp lý, nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Phạm Thị H không được chấp nhận, nên chị H phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị H; Giữ nguyên các quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 20-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên - tỉnh Nam Định.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị H đã nộp tại biên lai số 0003685 ngày 01-8-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ý Yên - tỉnh Nam Định.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ND
- TAND, VKSND huyện Ý Yên;
- Chi cục THADS huyện Ý Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

(đã ký)

Vũ Thị Mai Hương